

Lý thuyết môn Ngữ văn 10 bài: Ca dao hài hước

1/ Tìm hiểu chung

- Khái niệm: Là những bài ca dao trong đó có sử dụng yếu tố gây cười, yếu tố hài hước. Qua đó thể hiện quan niệm và triết lí sống lạc quan yêu đời của người dân lao động.

- Phân loại các bài ca dao trong SGK

+ Bài 1: Ca dao tự trào

+ Bài 2, 3, 4: Ca dao châm biếm

2/ Đọc - hiểu văn bản

a/ Bài ca dao số 1



– Cười nàng, anh toan dẫn voi,
Anh sợ quốc cấm, nên voi không bàn.

Dẫn trâu, sợ họ máu hàn,
Dẫn bò, sợ họ nhà nàng co gân.

Miễn là có thú bốn chân,
Dẫn con chuột béo, mời dân, mời làng.

– Chàng dẫn thế, em lấy làm sang,
Nỡ nào em lại phá ngang như là...

Người ta thách lợn thách gà,
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang:

Củ to thì để mời làng,
Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi.

Bao nhiêu củ mẻ, chàng ơi!

Để cho con trẻ ăn chơi giữ nhà;

Bao nhiêu củ rím, củ hà,

Để cho con lợn, con gà nó ăn...

- Lời chàng trai dẫn cưới:

+ Dự định: Voi, trâu, bò → nói quá: diễn tả mong muốn lễ cưới linh đình, sang trọng.

+ Nỗi lo: quốc cấm (phạm luật), máu hàn (đau bụng), co gân (què quặt) → lập luận thông minh, hài hước, có lí có tình: Thận trọng và chu đáo.

+ Chọn lựa: con chuột béo → Gây cười và bất ngờ: vừa làm người yêu vui, vừa chứng thực hoàn cảnh mình. ⇒ Chàng trai tuy nghèo nhưng yêu đời, tình cảm mộc mạc, chân thành

* Lời cô gái thách cưới:

- Khen: “...*lấy làm sang*” → vui vẻ, ý nhị.

- Thách cưới: nhà khoai lang (bình dị) >< lợn, gà → Dí dỏm: Vô tư, thông cảm, yêu thương.

- Dự định:

+ Củ to - mời làng

+ Củ nhỏ - họ hàng a

+ Củ mẹ - con trẻ

+ Củ rím, củ hà - con lợn, gà

→ Cách nói giảm dần: Đám cưới nghèo nhưng giàu tình cảm, đem lại niềm vui và hạnh phúc cho nhiều người ⇒ Trong sáng, bao dung, coi trọng tình nghĩa hơn của cải vật chất

* Lời cô gái:

+ "Lấy làm sang" → ý nhị, khiêm tốn: "Nỡ nào em lại phá ngang" → thông cảm với hoàn cảnh chàng trai. → tiếng cười hài hước, nhẹ nhàng.

+ Lời thách cưới: nhà khoai lang >< lợn gà → vô tư, thanh thản, lạc quan, yêu đời, coi trọng tình cảm.

+ Cách nói giảm dần: củ to → mời làng củ nhỏ → họ hàng ăn chơi củ mẻ → con trẻ ăn chơi củ rím, hà → lợn gà → Lễ vật thách cưới được tận dụng và chia cho tất cả mọi người. → Cô gái đảm đang, tháo vát, tình cảm đậm đà với họ hàng, làng xóm, gia đình. → Cuộc sống đầm ấm, hòa thuận, nghèo mà vui.

⇒ Tiếng cười tự trào thể hiện triết lí nhân sinh lành mạnh, khoẻ khoắn, ước mơ của người xưa về hạnh phúc lứa đôi.

b/ Bài ca dao 2, 3, 4

Bài 2:



Bài 3:

*Làm trai cho đáng sức trai,
Khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng.*

*Chồng người đi ngược về xuôi,
Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo.*

Bài 4:

*Lỗ mũi mười tám gánh lông,
Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho.
Đêm nằm thì ngáy o o...
Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.
Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.*

Trên đầu những rác cùng rơm,

Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu!

* Nội dung tổng quát:

- Tiếng cười được bộ lộ qua các bài ca dao là tiếng cười phê phán trong nội bộ nhân dân nhằm nhắc nhở nhau tránh những thói hư tật xấu mà con người thường mắc phải.
- Lời nhắc nhở của tác giả dân gian vừa nhẹ nhàng, thân tình, vừa mang tính giáo dục sâu sắc

* Nét đặc sắc riêng:

- Bài ca dao số 2, 3:

+ Hai bài ca dao phê phán loại đàn ông yếu đuối, không đáng sức trai, không đáng nên trai "*khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng*" và loại đàn ông lười nhác, không có chí khí lớn "*ngồi bếp sờ đuôi con mèo*"

+ Những thủ pháp kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo nên cách nói dí dỏm, nhẹ nhàng nhưng ý nghĩa châm biếm lại sâu sắc.

+ Đối lập (trương phản): Quan niệm làm trai và sức trai của nhân dân đối lập với hiện tượng được nêu trong hai bài ca dao

+ Thâm xung (phóng đại, cường điệu): Thủ pháp này dùng để tô đậm các hiện tượng châm biếm trong bài ca dao về loại đàn ông không đáng mặt đàn ông, không còn phong độ của bậc nam nhi.

- Bài ca dao số 4:

+ Bài ca dao là bức tranh sinh động nhằm giễu loại phụ nữ đông đánh, vô duyên trong xã hội. Những hình ảnh này được khắc họa bằng con mắt nhân hậu, cảm thông và lời nhắc nhẹ nhàng nhằm bật lên giá trị tình cảm vợ chồng sâu sắc.

* Những thủ pháp tạo nên tiếng cười châm biếm trong ca dao:

+ Đối lập (trương phản): Quan niệm của nhân dân về hình ảnh người phụ nữ đối lập với những hiện tượng được nêu trong bài ca dao

+ Ngoa dụ (phóng đại, cường điệu): Thủ pháp này dùng để tô đậm các hiện tượng châm biếm trong các bài ca dao về loại phụ nữ vô duyên

+ Cấu trúc "*chồng yêu chồng bảo...*" trong từng cặp câu thơ và ý nghĩa đã yêu nhau thì cái gì cũng đẹp, cũng tốt, khuyết điểm hạn chế vẫn có thể biến thành ưu điểm tích cực.

* Tổng kết

Nội dung: Nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh, những tiếng cười đặc sắc trong ca dao - tiếng cười giải trí, tiếng cười tự trào và tiếng cười châm biếm phê phán - thể hiện tâm hồn lạc quan yêu đời và triết lí nhân sinh lành mạnh trong cuộc sống còn nhiều vất vả, lo toan của người bình dân.

Nghệ thuật

- Hư cấu, dựng cảnh tả tình, khắc họa nhân vật bằng những nét điển hình.
- Cường điệu, phóng đại, tương phản
- Dùng ngôn ngữ đời thường mà đầy hàm ý.

Mời bạn đọc tham khảo thêm nhiều tài liệu ôn tập Ngữ văn lớp 10 khác như:

Lý thuyết Ngữ văn 10: <https://vndoc.com/ly-thuyet-ngu-van-10>

Tác giả - tác phẩm Ngữ văn 10: <https://vndoc.com/tac-gia-tac-pham-ngu-van-10>